

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**

-----*****-----

**BÁO CÁO CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

Hà nội, tháng 03 năm 2017

Số 16.8./NSHN-TCKT

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

V/v: Báo cáo giám sát năm 2016

Kính gửi : - Bộ Kế hoạch và đầu tư
- Sở Tài chính Hà Nội

Thực hiện công văn số 897/STC-TCDN ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Sở Tài chính Hà Nội về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND Thành phố Hà Nội, Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư, Sở Tài chính về việc thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp như sau:

- Công ty đã xây dựng và duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị, đã xây dựng quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp đảm bảo việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ theo đúng biểu mẫu.

(Chi tiết tại các biểu mẫu kèm theo văn bản này. Phụ lục III – kế hoạch phát triển 5 năm: Hiện nay, Công ty đang rà soát lại hiện trạng khả năng nguồn cấp, nhu cầu sử dụng nước để xây dựng kế hoạch phát triển 5 năm).

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo ./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bảo Vinh

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đã được Hội đồng thành công ty phê duyệt tại Quyết định số 3445/HĐTV – NSHN ngày 30/12/2016)

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM TRƯỚC

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016
1	Sản lượng nước sản xuất toàn công ty	M3	224.989.710
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.525
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	302
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	347

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017
1	Sản lượng nước sản xuất toàn công ty	M3	226.775.582
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.514
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	266
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	265

2. Kế hoạch đầu tư phát triển:

* Về nguồn nước: Tăng thêm 47.000 m³/ngày thông qua các dự án cải tạo nâng công suất, khoan thay thế giếng tại các Nhà máy, cụ thể:

+ Cải tạo, khoan thay thế giếng tại các nhà máy (21.600 m³/ngđ) gồm: Ngô Sĩ Liên (3 giếng); Yên Phụ (01 giếng); Cáo Đình (01 giếng); Nam Du (02 giếng); Gia Lâm (02 giếng); Lương Yên (01 giếng); Mai Dịch (02 giếng).

+ Thu hồi nước rửa lọc nhà máy nước Mai Dịch (1.200 m³/ngđ).

+ Cải tiến công nghệ các nhà máy (6.000 m³/ngđ) gồm: nhà máy nước Nam Du, Cáo Đình, Ngọc Hà, Mai Dịch, Tương Mai, Pháp Vân, Hạ Đình).

+ Cải tạo nâng công suất trạm Đông Mỹ lên 10.000 m³/ngđ (tăng thêm 6.500 m³/ngđ);

+ M3 tiết kiệm được sau cải tạo mạng chống thất thoát thu 11.400 m³

+ Nâng công suất nhà máy nước Bắc Thăng Long lên 150.000 m³/ngđ (tăng 90.000 m³/ngđ), trong đó tăng 50.000 m³/ngđ hoàn thành trong năm 2017; tăng thêm 40.000 m³/ngđ hoàn thành trong năm 2018).

*** Về mạng lưới cấp nước:**

- Tiếp tục triển khai các dự án phát triển mạng lưới cấp nước theo quy hoạch và định hướng của UBND thành phố Hà Nội:

+ Xây dựng mạng lưới cấp nước cho các xã Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc, Tàm Xá, Xuân Canh và Đông Hội - Huyện Đông Anh

+ Nghiên cứu đầu tư phát triển xây dựng mạng lưới cấp nước khu vực huyện Phú Xuyên, khu vực Thường Tín, khu vực Chương Mỹ

+ Đầu tư phát triển hệ thống cấp nước dọc trục đường Láng - Hòa Lạc (phạm vi Thành phố Hà Nội) sử dụng nguồn nước sông Đà: Do chủ chương xã hội hóa đầu tư của Thành phố, dự án đang phải xem xét điều chỉnh lại phạm vi và quy mô đầu tư.

+ Tiếp tục phối hợp với Công ty CP Nước mặt Sông Hồng, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống để triển khai các thủ tục dự án.

- Hoàn thành các dự án cải tạo mạng lưới chống TTTT:

- Cải tạo MLCN và chống TTTT khu vực ô27 – Hai Bà Trưng
- Cải tạo và thay thế đồng hồ khu vực ô26 Hai Bà Trưng
- Cải tạo và thay thế đồng hồ khu vực ô12 Đống Đa
- Cải tạo mạng lưới cấp nước cho DMA1,2 – ô 3 khu vực Cầu Giấy.
- Cải tạo MLCN và chống TTTT khu vực ô7 – Tây Hồ.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường kiểm soát và quản lý chi tiêu nhằm đem lại hiệu quả kinh tế và lợi nhuận hợp lý cho doanh nghiệp. rà soát chặt chẽ các chi phí, hướng tới mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Kiểm tra việc thực hiện các cơ chế quy định đã ban hành và điều chỉnh bổ sung cho phù hợp; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, qui định về quản lý tài chính của Công ty theo mô hình mới.

2. Giải pháp về sản xuất:

- Tăng cường, nâng cao năng lực quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng nước đảm bảo các nhà máy, trạm sản xuất an toàn, ổn định phát huy tối đa năng lực sản xuất và tiếp tục nghiên cứu xây dựng chế độ vận hành cấp nước tối ưu để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục khoan bổ sung thay thế các giếng suy thoái tại các nhà máy Yên Phụ, Lương Yên, Ngô Sĩ Liên, thực hiện các biện pháp thổi rửa, bảo dưỡng giếng khai thác, thông tắc các tuyến nước thô...

- Bổ sung nâng công suất nhà máy Bắc Thăng Long.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của từng phòng, ban đảm bảo phù hợp với tình hình mới và sự phát triển của Công ty. Sắp xếp lao động và trả lương cho người lao động đảm bảo khoa học, hợp lý nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động và bố trí phù hợp với tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công tác.

- Hàng năm có những khóa đào tạo, cử CBCNV đi học để không ngừng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển doanh nghiệp như: xây dựng mô hình, quy hoạch cán bộ, kế hoạch nhân sự chủ chốt của Công ty Mẹ và các Công ty con theo từng loại hình theo từng năm và 5 năm.

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:

- Nghiên cứu lắp đặt hệ thống quan trắc một số thông số cơ bản tại 12 nhà máy nước và các điểm chia ô tách mạng để kiểm soát chất lượng nước.

- Tập trung ưu tiên dự án cải tạo mạng tại các khu vực có tỷ lệ thất thoát thất thu cao, các khu vực khó khăn về nước và bức xúc dân sinh.

- Đồng bộ hóa hệ thống mạng đồng hồ tổng và hệ thống scada các nhà máy nước

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào trong sản xuất nước: Xây dựng phần mềm quản lý tổ chức tiếp nhận thông tin khách hàng sử dụng nước; Nâng cấp hệ thống công văn nội bộ, cải tạo hệ thống tra cứu thông tin khách hàng, tiền nước, thông báo ngừng cấp nước...

- Xây dựng vận hành trạm bơm II, mạng lưới truyền dẫn đảm bảo việc cấp nước ổn định đặc biệt trong thời gian cấp nước mùa hè.

- Tập trung ưu tiên các dự án cải tạo mạng tại các khu vực có tỷ lệ thất thoát thất thu cao, các khu vực khó khăn về nước và bức xúc dân sinh.

- Thực hiện các giải pháp chống thất thoát thất thu tìm kiếm rò rỉ, thanh kiểm tra khách hàng, áp giá theo quy định...

6. Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Nâng cao năng lực quản lý, vận hành hệ thống cấp nước, tiết kiệm chi phí ổn định sản xuất, từng bước nâng cao mức độ dịch vụ cấp nước trên địa bàn Công ty quản lý

- Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế về quản lý lao động tiền lương, quản lý kỹ thuật. Triển khai hình thức quản lý công một cửa trong toàn Công ty. Quản lý và giám sát chặt chẽ chất lượng nước theo tiêu chuẩn cấp nước an toàn.

- Thực hiện phát triển mô hình tổ chức Công ty theo QĐ 6971/QĐ-UBND ngày 18/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt “Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội giai đoạn 2013 – 2015, hướng tới mục tiêu năm 2020”:

- Nghiêm túc thực hiện đúng lộ trình chuyển đổi doanh nghiệp của UBND thành phố. Tiếp tục tiến hành các bước chuyển đổi các xí nghiệp KDNS thuộc Công ty thành các công ty cổ phần chi phối theo tinh thần của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND thành phố của chỉ đạo của UBND thành phố.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình Quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch đến năm 2025 trong toàn Công ty theo QĐ của Thủ tướng Chính phủ.

7. Giải pháp khác:

- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, giám sát hoạt động tại Công ty và các xí đơn vị trực thuộc, Thực hành tiết kiệm trong chi tiêu, mua sắm, sử dụng tài sản đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, và quy định quy chế của Công ty.

- Giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, chính quyền, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội thông qua sự phối hợp có hiệu quả hướng tới mục tiêu chung vì lợi ích của nhà nước, người lao động và sự phát triển bền vững của Công ty.

Người lập biểu



Nguyễn Mai Phương

PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

Năm báo cáo: 2016

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 03 NĂM TRƯỚC

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

- Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh trong 03 năm qua (2014 – 2016) năm sau cao hơn năm trước, thể hiện chủ yếu qua các chỉ tiêu sau:
 - + Sản lượng nước sản xuất: duy trì sản lượng nước ổn định 620.000 đến 630.000 m³/ngđ
 - + Tỷ lệ thất thoát thất thu nước sạch: năm 2016 giảm còn 20,47% (giảm 4,17% trong 3 năm).
 - + Tổng doanh thu: từ 1.129 tỷ năm 2014 tăng trưởng lên 1.525 tỷ năm 2016
 - + Lợi nhuận trước thuế: từ 69 tỷ năm 2014 tăng lên 302 tỷ năm 2016
 - + Nộp ngân sách: từ 133 tỷ năm 2014 tăng lên 347 tỷ năm 2016.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

- Công ty đã hoàn thành một số các dự án phát triển nguồn nước, khoan bổ sung thay thế các giếng suy thoái, cải tạo và xây dựng hệ thống khai thác xử lý tại các trạm sản xuất nước gồm: trạm Đông Mỹ (3.500), trạm Kiều Kị (3.500m³/ngđ), Trạm Ngọc Thụy (3.500 m³/ngđ), trạm Yên Viên (7.200 m³/ngđ), trạm Thụy Khuê (2.500 m³/ngđ), khoan bổ sung các giếng tại các nhà máy Ngô Sĩ Liên, Pháp Vân, Nam Dư, Cáo Đỉnh... đã góp phần ổn định cấp nước các khu vực nội thành và khu vực ngoại thành Thanh Trì, Gia Lâm, Đông Anh.

- Hoàn thành một số dự án mở rộng phạm vi cấp nước, phát triển khách hàng: Dự án cải tạo HTCN khu TT Tổng cục 2- phường Xuân Tảo quận Bắc Từ Liêm (715 khách hàng);

- Hoàn thành các dự án cải tạo mạng lưới chống thất thoát thất thu : Ô6A Ba Đình ; KV2 Ô9A và Dự án KV còn lại (1,2,4) Ô13 Đống Đa ; DMA1- Ô4B khu vực 1,2,3 Cầu Giấy; khu vực di dân Thành nhân ngõ 283 Trần Khát Chân và dự án Đầu tăng cường nguồn cấp nước KV Ô19D-505 Minh Khai – Hai Bà Trưng...

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

- Giá nước mới được điều chỉnh theo lộ trình từ tháng 10/2013 theo Quyết định 38, 39 của UBND Thành phố Hà Nội đã có tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và Đầu tư XDCB của Công ty.

- Nguồn kinh phí đầu tư thanh toán công nợ các dự án đã hoàn thành và đầu tư mở rộng, nâng cấp HTCN rất lớn trong khi đó nguồn vốn ngân sách hạn hẹp, chủ yếu dùng nguồn vốn vay và vốn tự có của Công ty để triển khai thực hiện do vậy ảnh hưởng rất lớn đến tình hình SXKD của Công ty.

- Thực hiện chủ trương của Thành phố về việc điều chỉnh địa giới hành chính, thành lập mới 2 Quận mới từ huyện Từ Liêm là quận Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm từ tháng 12/2013, công tác đầu tư cải tạo hạ tầng đã tác động hệ thống cấp nước, nhu cầu sử dụng nước tăng thêm do đô thị hóa.

- Thành lập mới xí nghiệp KDNS Hoàng Mai, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/1/2013 quản lý cấp nước cho quận Hoàng Mai và huyện Thanh Trì.

- Hoàn thành dự án bổ sung 30.000 m³/ngđ nước thô cho NMN Bắc Thăng Lon, đưa vào vận hành tháng 5/2016

- Hoàn thành Dự án phát triển MLCN: xây dựng trạm bơm tăng áp và đường ống cấp nước cho trại tạm giam số 2 - Huyện Thường Tín - Hà Nội.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Nguồn nước ngầm hàng năm tiếp tục bị suy thoái từ 1,5% ÷ 2%, Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo nguồn vì nhiều nhà máy không có đất để khoan thay thế, bổ sung. Mặt khác đa số các nhà máy nguồn đã cạn, hiện khai thác hết sản lượng cho phép. Do vậy để đảm bảo nguồn cấp nước hiện tại cũng như lâu dài, Công ty tiếp tục đẩy nhanh các dự án phát triển nguồn nước như dự án nước mặt Sông Hồng, Sông Đuống, tiếp nhận nguồn nước Sông Đà đủ lưu lượng và áp lực để đáp ứng nhu cầu cấp nước trước mắt cũng như lâu dài của Thành phố.

- Thời tiết tiếp tục có những diễn biến bất thường, đặc biệt trong mùa hè có nhiều đợt nắng nóng xảy ra khiến nhu cầu sử dụng nước tăng cao vì vậy công tác sản xuất cấp nước gặp rất nhiều khó khăn.

- Nguồn nước mặt Sông Đà không cung cấp đủ về lưu lượng và áp lực, do vậy gây rất nhiều khó khăn cho việc điều phối vận hành cấp nước cho các khu vực

cuối nguồn, khu vực có cốt địa hình cao thuộc các Quận Cầu Giấy và Quận Đống Đa.

- Thành phố đang trong quá trình đô thị hóa, triển khai thi công rất nhiều các công trình hạ tầng như cầu vượt, hệ thống thoát nước, thông tin liên lạc... vì vậy đòi hỏi công tác phối hợp trao đổi thông tin chặt chẽ hơn nữa để tránh hư hỏng, đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

- **Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Hồng:** Hiện nay, Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 20% vốn đầu tư xây dựng NMN mặt sông Hồng và đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5611/QĐ-UBND ngày 24/10/2015; Để đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng Nhà máy nước theo Quy hoạch và đồng bộ trong khâu đầu tư phát triển nguồn và hệ thống mạng lưới cấp nước, phân vùng cấp nước và thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước; Công ty nước sạch Hà Nội đang đề xuất Thành phố đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực thuộc vùng ảnh hưởng của NMN mặt sông Hồng như Huyện Đan Phượng (13 xã, và 01 thị trấn); Huyện huyện Phúc Thọ (22 xã).

- **Dự án xây dựng nhà máy nước mặt sông Đuống:** Hiện nay, Công ty Nước sạch Hà Nội tham gia góp 10% vốn đầu tư xây dựng NMN mặt sông Đuống và đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2869/QĐ-UBND ngày 03/06/2016; Để đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng Nhà máy nước theo Quy hoạch và đồng bộ trong khâu đầu tư phát triển nguồn và hệ thống mạng lưới cấp nước, phân vùng cấp nước và thực hiện thỏa thuận dịch vụ cấp nước; Công ty nước sạch Hà Nội xin đề xuất Thành phố đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực dân cư thuộc huyện Gia Lâm (06 xã còn lại); huyện Sóc Sơn (18 xã còn lại); huyện Thường Tín (17 xã); huyện Phú Xuyên (25 xã và 02 thị trấn).

- **Dự án bổ sung nguồn nước thô cho NMN Bắc Thăng Long:**

Hiện nay, Công ty Nước sạch Hà Nội đang báo cáo UBND Thành phố Hà Nội và các Sở, Ban, Ngành Thành phố về việc đầu tư nâng công suất NMN Bắc Thăng Long lên $150.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ trên cơ sở đánh giá kết quả đầu tư bổ sung công suất nước thô $30.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ từ nguồn nước mặt sông Hồng thông qua hệ thống kênh dẫn của Trạm bơm Áp Bắc. Việc đầu tư nâng công suất NMN nước Bắc Thăng Long là hết sức cần thiết để giải quyết nhu cầu cấp thiết về sử dụng nước sạch của nhân dân Thủ đô trong mùa hè 2017 và những năm tiếp theo trong điều kiện các NMN mặt theo Quy hoạch đang được triển khai. Công ty Nước sạch Hà Nội xin đề xuất đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực thuộc vùng ảnh hưởng của NMN Bắc Thăng Long như khu vực huyện Đông Anh (các xã còn lại); huyện Sóc Sơn (các khu vực còn lại), thị trấn và các xã huyện Mê Linh.

2. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

BIỂU SỐ 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016
1	Sản lượng nước sản xuất toàn công ty	M3	224.813.341	224.109.196	221.123.414	224.989.710
2	Doanh thu	Tỷ đồng	944	1.129	1.328	1.525
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	2,6	70	231	302
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	99	133	188	347

II. Tình hình đầu tư vào các công ty con

1. Danh sách các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ:

- + Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội
- + Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội
- + Công ty cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội

2. Tình hình đầu tư của doanh nghiệp tại các công ty này:

- BIỂU SỐ 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2014			Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm báo cáo 2016		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối									
1	Công ty cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội	8,47	72,76%	6,163	8,47	72,76%	6.163	8,47	72,76%	6,163
2	Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội				568	96,64%	548.914	568	96,64%	548.914
3	Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội				55	65,61%	36,87	55	65,61%	36,87

Người lập biểu


Nguyễn Mai Phương

PHỤ LỤC VI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH
NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2016**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	m3	223.814.007	224.989.710	100,5	101,4
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu					
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1.244.758	1.178.864	95 %	101 %
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1.431.738	1.451.798	101 %	112 %

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường. Các nhà máy, trạm sản xuất đều có bể lắng, bể lọc, bể thu hồi đạt tiêu chuẩn. Đồng thời, công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp. Định kỳ đều có sự kiểm tra giám sát của cơ quan sở Tài nguyên môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Công ty phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên, đảng bộ công ty thực hiện các đóng góp xã hội, ủng hộ đồng bào lũ lụt, hoàn cảnh khó khăn.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

Việc thanh toán cho nhà cung cấp theo đúng hợp đồng. Công ty không có các khoản nợ phải trả không có khả năng thanh toán.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

Việc đảm bảo chất lượng nước trên mạng và quan tâm hàng đầu của công ty. Việc kiểm định chất lượng nước diễn ra thường xuyên trên toàn địa bàn cấp nước. Bên cạnh đó, công ty tập trung đầu tư vào hệ thống sản xuất nước đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn của Bộ Y Tế.

5. Quan hệ tốt với người lao động.

Người lao động tại đơn vị được đảm bảo môi trường làm việc phù hợp. Công nhân được trang bị bảo hộ, được tập huấn thường xuyên về kỹ năng nghề nghiệp cũng như chính sách của nhà nước về quyền lợi của người lao động. Người lao động được trả lương theo hợp đồng lao động và phân công nhiệm vụ. Lương thanh toán đúng thời gian, đúng số tiền, không có tình trạng nợ lương nhân viên. Công ty đảm bảo việc đóng BHXH đầy đủ cho lao động ký hợp đồng với công ty, các chính sách của BHXH được chi trả đầy đủ, đúng hạn

6. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp

Công ty trong năm 2016 có lợi nhuận, đảm bảo an toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận trong năm được phân phối theo đúng quy định vào các quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động và tăng vốn kinh doanh.

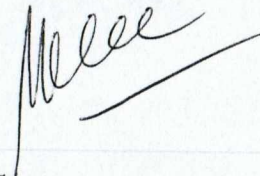
Người lập biên


Nguyễn Mai Phương

PHỤ LỤC VII: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NĂM 2016*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

TT	Tên doanh nghiệp	Giữ nguyên	Thoái vốn		Tiến độ thực hiện đến năm báo cáo							Tỷ lệ Nhà nước dự kiến nắm giữ sau sắp xếp, thoái vốn	Kế hoạch năm tiếp theo	Ghi chú		
					CPH					Các hình thức khác						
			Hoàn thành trong năm báo cáo	Chưa hoàn thành	Thành lập Ban Chỉ đạo	Đang xác định giá trị DN	Quyết định công bố giá trị DN	Quyết định phê duyệt phương án	Đã IPO	Đại hội đồng cổ đông lần 1	Tên hình thức				Đã có quyết định phê duyệt	
I	Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội															
	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)															
	CTCP Nước tinh khiết Hà Nội													Thoái vốn NN còn 0% đến 2020	Theo KH 168/KH-UBND ngày 12/9/16	
	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội															

Người lập biểu



Nguyễn Mai Phương

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2017

PHỤ LỤC VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016

(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Thành viên và cơ cấu tổ chức

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, thành viên không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, công việc quản lý được giao.

Thông tin cụ thể tại Công ty Nước sạch Hà Nội tại Biểu 1 kèm theo phụ lục này

2. Kiểm soát viên Công ty

Kiểm soát viên công ty gồm 02 cán bộ : Kiểm soát viên chuyên trách và Kiểm soát viên gồm :

- Bà Hoàng Thị Thuý - Kiểm soát viên Chuyên trách – Sinh năm 1970 ;

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.

- Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Kiểm soát viên – Sinh năm 1974

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật.

BIỂU 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ Chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác					
I. Hội đồng thành viên	1. Ông Nguyễn Trí Khoa	1962	Chủ tịch HĐTV	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư Hoá Cử nhân kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty Giám đốc XN Phó Giám đốc Công ty Chủ tịch HĐTV	Chủ tịch HĐTV
	2. Ông Phạm Văn Thảo	1957	Thành viên HĐTV	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư kinh tế XD Thạc sĩ QTKD		Phó phòng Cty Giám đốc XN Trưởng phòng cty Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát, Thành viên HĐTV	Thành viên HĐTV
II. Tổng giám đốc	Ông Nguyễn Bảo Vinh	1964	Tổng giám đốc	Thành viên HĐQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Kỹ sư Cấp thoát nước		Phó giám đốc XN Giám đốc XN Phó Tổng giám đốc Công ty, Tổng giám đốc Công ty	Thành viên HĐTV Tổng giám đốc
III. Phó Tổng giám đốc	1. Ông Trịnh Kim Giang	1958	Phó Tổng giám đốc	Chủ tịch HĐQT Công ty CP SXKD NS Số 3 Hà Nội		Kỹ sư Cấp thoát nước Thạc sĩ Môi trường		Phó phòng Cty Trưởng phòng Cty Giám đốc BQLDA Phó Tổng giám	Phó Tổng giám đốc

								đốc Công ty	
	2. Ông Trần Quốc Hùng	1963	Phó Tổng giám đốc	Thành viên HDQT: Công ty CP Nước mặt: Sông Hồng; Sông Đuống		Kỹ sư Cấp thoát nước		Trạm trưởng Phó giám đốc XN, Giám đốc XN Phó giám đốc Công ty, Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc
	3. Ông Đặng Ngọc Hải	1968	Phó Tổng giám đốc	Chủ tịch HDQT Công ty CP: NS số 2 HN; Nước Tinh khiết HN		Kỹ sư Điện tử - Tin học		Giám đốc NMN Giám đốc XN Trưởng phòng Công ty Phó Tổng giám đốc Công ty	Phó Tổng giám đốc
IV. Kế toán trưởng	Ông Đỗ Phương Nam	1978	Kế toán trưởng	Thành viên HDQT Công ty CP Tháp nước Hà Nội		Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế Thạc sĩ Kinh tế		Phó phòng Công ty Trưởng phòng Công ty Kế toán trưởng Công ty	Kế toán trưởng

3. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng bình quân năm 2016 của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên năm 2016 của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Hệ số mức lương	Tiền lương (trồng/tháng)		Thù lao (trồng/tháng)		Tiền thưởng (trồng/tháng)	Thu nhập (trồng/tháng) (3)
					Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch công ty	Chuyên trách	8.12	31.0	40.3				40.3
2	Nguyễn Bảo Vinh	Tổng giám đốc	Chuyên trách	7.45	30.0	39.0				39.0
3	Trịnh Kim Giang	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	27.0	35.1				
4	Trần Quốc Hùng	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.3	27.0	35.1				35.1
5	Đặng Ngọc Hải	Phó tổng giám đốc	Chuyên trách	7.0	27.0	35.1				
6	Phạm Văn Thảo	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	7.3	27.0	35.1				
7	Hoàng Thị Thuý	Kiểm soát viên	Chuyên trách	6.97	27.0	35.1				35.1
8	Đỗ Phương Nam	Kế toán trưởng	Chuyên trách	6.7	25.0	32.5				

II Các quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp

Trong năm 2016, Hội đồng thành viên công ty đã ban hành 168 quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Nội dung chủ yếu về chủ trương đầu tư, phê duyệt vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc công ty. Các quyết định quan trọng liên quan đến sản xuất kinh doanh như sau:

BIỂU SỐ 2,4**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
Năm 2016			
I	Quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch HĐQT Công ty		
1	221	2/3/2016	Quyết toán lương cơ bản năm 2015 cho CB viên chức.
2	372	3/3/2016	Phương thức đầu tư DA NMN sông Đuống.
3	592	3/25/2016	Điều chỉnh bổ sung KH vốn đầu tư quý II/2016.
4	870	4/15/2016	Thống nhất thông qua nội dung để thành lập Cty CP nước mặt sông Đuống.
5	1096	5/10/2016	Kế hoạch SD lao động năm 2016.
6	1266	5/31/2016	Cử người tham gia đại diện vốn tại Cty CP nước mặt sông Đuống.
7	1269	5/31/2016	Cử người đại diện vốn tại Cty CP nước mặt sông Đuống.
8	1489	6/27/2016	Phê duyệt quỹ tiền lương KH năm 2016.
9	1635	7/13/2016	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2015.
10	1660	7/14/2016	Phê duyệt và ban hành quy chế quản lý quỹ thù lao tiền thưởng người đại diện vốn tại các Cty CP.
11	2394	9/29/2016	Phê duyệt chỉ tiêu tài chính năm 2015.
12	2458	10/6/2016	Điều chỉnh bổ sung danh mục DA sử dụng vốn khấu hao cơ bản năm 2016.
13	2994	11/19/2016	Đầu tư DA mua sắm phần mềm QL mạng lưới truyền dẫn và hệ thống nước thô.
14	3087	11/28/2016	Thanh hủy tài sản theo kết quả kiểm kê đến ngày 01/01/2016..

BIỂU SỐ 3**THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

TT	Thành viên HĐQT hoặc chủ tịch Công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
I. Năm 2015						
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch	15			
2	Nguyễn Bảo Vinh	TV HĐQT	13	2	Công tác	
3	Phạm Văn Thảo	TV HĐQT	14	1	Công tác	
II. Năm 2016						
1	Nguyễn Trí Khoa	Chủ tịch	5			
2	Nguyễn Bảo Vinh	TV HĐQT	3	2	Công tác	
3	Phạm Văn Thảo	TV HĐQT	5			

BIỂU SỐ 4**THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	795	4/9/2016	Đại hội cổ đông năm 2016 của Cty CP.
2	1635	7/13/2016	Nghị quyết HĐQT thông qua phương án lợi nhuận năm 2015

III. Hoạt động của Kiểm soát viên**BIỂU SỐ 5****THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN**

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
1	826/NSHN-KSV	13/04/2016	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2015
2	1549/NSHN-KSV	02/07/2016	Báo cáo quả hoạt động của KSV công ty
3	2138/NSHN-KSV	25/08/2016	Báo cáo quả hoạt động của KSV công ty 6 tháng đầu năm 2016
4	3107/NSHN-KSV	29/10/2016	Báo cáo quả hoạt động của KSV công ty Q3 năm 2016

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách các bên có liên quan của doanh nghiệp.

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội
- Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội
- Công ty cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội
- Công ty cổ phần Tháp nước Hà Nội

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.

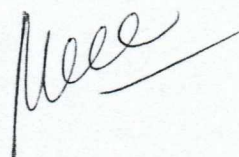
BIỂU SỐ 6

THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đ)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội	Mua buôn nước sạch	84.170.529.193
2	Công ty cổ phần Nước sạch số 3 Hà Nội	Mua buôn nước sạch, thi công xây lắp	94.421.558.201
3	Công ty cổ phần Nước tinh khiết Hà Nội	Mua buôn nước bán thành phẩm	286.841.048
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội	Mua vật tư đặc thù ngành nước	1.716.902.344

Người lập biểu


Nguyễn Mai Phương

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016

(Ban hành kèm theo nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp:

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người lao động
- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Trả lương theo kết quả sản xuất kinh doanh.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch:

Quỹ lương kế hoạch của người lao động và Quỹ lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Quỹ tiền lương kế hoạch được duyệt, cơ sở tính quỹ tiền lương kế hoạch theo từng năm (có báo cáo cụ thể kèm theo, cơ sở tính theo nghị định 50, 51/2013- NĐCP và thông tư 18, 19/TT-BLĐTBXH).

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp tự xây dựng cơ chế trả lương nội bộ của đơn vị trên nguyên tắc kết quả sản xuất kinh doanh của từng đơn vị.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (2016)		Năm báo cáo
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
I	Hạng công ty được xếp		A	A	A
II	Tiền lương của người lao động				
1	Lao động	Người	2 223	2 143	
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	9 519	11 432	
3	Quỹ tiền lương	Tr đồng	254 009	294 005	
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr đồng			
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	10 949	12 862	
III	Tiền lương của người quản lý doanh nghiệp				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	8	8	
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr đồng /tháng	27.6	27.6	
3	Quỹ tiền lương	Tr đồng	2 652	3 447.6	
4	Mức tiền lương bình quân	Tr đồng /tháng	27.6	35.9	
5	Quỹ tiền thưởng				
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr đồng			
7	Mức thu nhập BQ của viên chức quản lý	Tr đồng /tháng			

Người lập biểu

